

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch		
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên		
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên		
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Trần Thị Nhi	Trưởng ban		
Ông Nguyễn Thị Thùy	Thành viên		
Bà Nguyễn Đức Càn	Thành viên		
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Thái Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	14/9/2021	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đại diện Ban Tổng Giám đốc



ĐẶNG THỊ THU HẰNG - Tổng Giám đốc

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Số : 0018/2022/BCSX-KTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum, được lập ngày 15 tháng 02 năm 2022, từ trang 6 đến trang 34 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/7/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		193.961.383.055	215.220.685.952
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.051.799.627	2.772.552.795
Tiền	111	V.1	13.051.799.627	2.772.552.795
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		140.667.432.243	201.260.281.837
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	110.196.490.000	164.160.025.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	25.116.296.483	32.432.298.180
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.848.317.377	5.161.630.274
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.633.671.617)	(3.633.671.617)
IV. Hàng tồn kho	140		34.766.690.095	10.941.180.907
Hàng tồn kho	141	V.7	34.766.690.095	10.941.180.907
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.475.461.090	246.670.413
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.475.461.090	246.670.413
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		220.321.488.037	224.357.822.355
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		214.160.288.635	221.705.855.312
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	212.891.385.393	220.433.359.210
Nguyên giá	222		377.786.149.508	376.718.796.676
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(164.894.764.115)	(156.285.437.466)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.268.903.242	1.272.496.102
Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(689.891.044)	(686.298.184)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.827.015.084	78.927.108
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.827.015.084	78.927.108
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.334.184.318	2.573.039.935
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.334.184.318	2.573.039.935
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.282.871.092	439.578.508.307

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/7/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		251.206.185.861	276.421.184.280
I. Nợ ngắn hạn	310		198.378.185.861	218.593.184.280
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	16.527.881.314	18.903.671.547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		771.086.350	629.684.050
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.656.825.748	7.634.421.689
4. Phải trả người lao động	314		149.248.091	1.605.396.092
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.482.736.933	4.804.780.280
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	929.619.914	600.782.499
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	170.194.135.738	182.090.766.624
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.015.929.726
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	666.651.773	307.751.773
II. Nợ dài hạn	330		52.828.000.000	57.828.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	52.828.000.000	57.828.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163.076.685.231	163.157.324.027
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	163.076.597.049	163.157.235.845
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.700.000.000 #	50.700.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>50.700.000.000</i>	<i>50.700.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.639.300.324	9.036.762.274
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.453.268.032 #	82.136.444.878
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>81.636.444.878</i>	<i>76.464.801.545</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>816.823.154</i>	<i>5.671.643.333</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		88.182	88.182
Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.282.871.092	439.578.508.307

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Tổng Giám đốc

MAI THỊ TUYẾT NHUNG
Kế toán trưởng

TRẦN VĂN DANH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃU B02a-DN**Đơn vị tính: VND****Từ 01/7/2020****đến 31/12/2020**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	20.405.695.652	58.199.585.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.405.695.652	58.199.585.319
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17.684.942.873	50.134.183.773
5. (Lỗ)/ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.720.752.779	8.065.401.546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.481.681.500	4.055.663.316
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.435.723.650	7.853.474.723
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.299.022.280</i>	<i>7.824.150.990</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	211.758.923	198.005.512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.293.447.637	1.144.475.011
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.261.504.069	2.925.109.616
11. Thu nhập khác	31		34.749.610	90.909.091
12. Chi phí khác	32		532.228.968	798.053.966
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	(497.479.358)	(707.144.875)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.764.024.711	2.217.964.741
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	947.201.557	552.835.298
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		816.823.154	1.665.129.443
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	145	296
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	145	296

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Tổng Giám đốc

MAI THỊ TUYẾT NHUNG
Kế toán trưởng

TRẦN VĂN DANH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		73.052.033.748	50.715.121.600
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(24.222.278.132)	(21.822.774.418)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.771.186.281)	(5.285.710.425)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.II	(7.329.904.542)	(6.612.326.004)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.284.587.576)	(445.842.666)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.026.753.274	1.917.856.383
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.483.812.035)	(7.387.981.327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.987.018.456	11.078.343.143
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.815.440.808)	(1.290.861.819)
2. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		4.300.070	1.666.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.811.140.738)	(1.289.194.937)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		24.982.716.796	41.414.037.904
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(41.879.347.682)	(41.414.956.512)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.896.630.886)	(918.608)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.279.246.832	9.788.229.598
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	2.772.552.795	1.606.589.930
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	13.051.799.627	11.394.819.528

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Giám đốc

MAI THỊ TUYẾT NHUNG
Kế toán trưởng

TRẦN VĂN DANH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập dựa trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo Quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3803000111 ngày 27 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại có mã số doanh nghiệp là 6100228104).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18 tháng 11 năm 2015.

• **Vốn điều lệ** : 50.700.000.000 VND

Số cổ phiếu : 5.070.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Điện thoại : 0603 864 958 - 6 289 552

Fax : 0603 862 969

Mã số thuế : 6 1 0 0 2 2 8 1 0 4

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh đường và các sản phẩm có liên quan.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Sản xuất đường;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Sản xuất bao bì; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét và đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 172 người (tại ngày 01 tháng 7 năm 2021: 178 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm tiếp theo.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành dựa trên số ngày quá hạn các khoản vay hoặc theo đánh giá khả năng thu hồi. Theo đó, khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về bán hàng.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi trả chậm, lãi ứng vốn vùng nguyên liệu, tạm ứng nhân viên và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	7 - 15

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 8

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán và tài sản cố định vô hình khác.

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu dân cư Hòa Thọ, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng có thời hạn lâu dài, không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của các phần mềm máy tính, đây là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

Tài sản cố định vô hình khác được Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm phải nộp KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN, các khoản tiền nhận thế chân nông dân vụ mùa mía và các khoản phải trả khác.

12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng vào mục đích đầu tư phát triển vùng nguyên liệu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Quỹ này được trích nhằm đầu tư phát triển vùng nguyên liệu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/7/2021
Tiền mặt	374.395.956	246.600.698
Tiền gửi ngân hàng	12.677.403.671	2.525.952.097
Cộng	13.051.799.627	2.772.552.795

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty TNHH Kim Hà Việt (*)	7.125.000	6.695.475.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Vương Quốc Việt (*)	15.100.000.000	26.500.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa (*)	880.000.000	15.680.000.000
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	25.620.000.000	34.225.000.000
Công Ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	67.063.390.000	57.235.000.000
Công ty TNHH MTV Kỳ Quang	1.520.000.000	1.520.000.000
Khách hàng khác	5.975.000	22.304.550.000
Cộng	110.196.490.000	164.160.025.000

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (*)

	15.987.125.000	48.875.475.000
--	----------------	----------------

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Kim Hà Việt (*)	6.660.682.390	14.660.682.390
Công ty TNHH MTV Phú An Sài Gòn	4.344.930.676	4.922.559.660
Trả trước đầu tư vùng nguyên liệu	12.314.752.007	11.758.407.330
Nhà cung cấp khác	1.795.931.410	1.090.648.800
Cộng	25.116.296.483	32.432.298.180

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (*)

	6.660.682.390	14.660.682.390
--	---------------	----------------

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021		01/7/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	(450.000.000)	450.000.000	(450.000.000)
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	(190.000.000)	190.000.000	(190.000.000)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2021		01/7/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Cộng	3.140.000.000	(3.140.000.000)	3.140.000.000	(3.140.000.000)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/7/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Kim Hà Việt (*)	3.806.846	-	29.113.124	-
Công ty Cổ phần Vương Quốc Việt (*)	816.828.768	-	173.019.178	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa (*)	3.294.059.314	-	3.225.538.767	-
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	175.113.700	-	225.041.095	-
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Kiên Giang	235.069.436	(235.069.436)	235.069.436	(235.069.436)
Công ty Cổ phần XD GT Thủy lợi Kiên Giang	189.512.499	(189.512.499)	189.512.499	(189.512.499)
Tạm ứng nhân viên Trong đó, Ông Nguyễn Hữu Quảng (*)	193.837.913	-	608.655.218	-
Lãi đầu tư vùng nguyên liệu	121.452.119	-	577.629.424	-
	565.780.269	-	273.316.631	-
Các khoản phải thu khác	374.308.632	(4.867.778)	202.364.326	(4.867.778)
Cộng	5.848.317.377	(429.449.713)	5.161.630.274	(429.449.713)
Phải thu khác là các bên liên quan (*)	4.236.147.047	-	4.005.300.493	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	31/12/2021			01/7/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.140.000.000	-	(3.140.000.000)	3.140.000.000	-	(3.140.000.000)
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	500.000.000	-	(500.000.000)	500.000.000	-	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	-	(450.000.000)	450.000.000	-	(450.000.000)
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	-	(190.000.000)	190.000.000	-	(190.000.000)
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	429.449.713	-	(429.449.713)	429.449.713	-	(429.449.713)
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Kiên Giang	235.069.436	-	(235.069.436)	235.069.436	-	(235.069.436)
Công ty Cổ phần XD GT Thủy lợi Kiên Giang	189.512.499	-	(189.512.499)	189.512.499	-	(189.512.499)
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	4.867.778	-	(4.867.778)	4.867.778	-	(4.867.778)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	68.931.939	4.710.035	(64.221.904)	68.931.939	4.710.035	(64.221.904)
Trả trước cho nông dân trồng mía	68.931.939	4.710.035	(64.221.904)	68.931.939	4.710.035	(64.221.904)
Cộng	3.638.381.652	4.710.035	(3.633.671.617)	3.638.381.652	4.710.035	(3.633.671.617)

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản cho vay và lãi cho vay phải thu, các khoản ứng trước cho nông dân trồng mía,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các đối tượng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/7/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.034.439.510	-	1.538.054.459	-
Công cụ, dụng cụ	8.581.547.753	-	8.139.684.599	-
Chi phí SXKD dở dang	11.989.715.217	-	959.964.036	-
Thành phẩm	2.891.620.711	-	36.835	-
Hàng hóa	6.269.366.904	-	303.440.978	-
Cộng	34.766.690.095	-	10.941.180.907	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/7/2021
a) Ngắn hạn	5.475.461.090	246.670.413
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	87.127.000
Chi phí bảo hiểm	159.736.286	142.693.413
Chi phí khác	5.315.724.804	16.850.000
b) Dài hạn	2.334.184.318	2.573.039.935
Công cụ, dụng cụ	445.059.569	654.686.090
Tiền thuê đất	1.881.816.662	1.908.471.758
Chi phí khác	7.308.087	9.882.087
Cộng	7.809.645.408	2.819.710.348

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/7/2021	110.296.767.263	263.333.693.564	2.545.235.634	543.100.215	376.718.796.676
Tăng trong kỳ	-	1.067.352.832	-	-	1.067.352.832
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
31/12/2021	110.296.767.263	264.401.046.396	2.545.235.634	543.100.215	377.786.149.508
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/7/2021	47.221.134.967	106.555.571.776	2.025.818.844	482.911.879	156.285.437.466
Tăng trong kỳ	1.703.323.400	6.836.993.853	61.059.396	7.950.000	8.609.326.649
Khấu hao trong kỳ	1.703.323.400	6.836.993.853	61.059.396	7.950.000	8.609.326.649
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
31/12/2021	48.924.458.367	113.392.565.629	2.086.878.240	490.861.879	164.894.764.115
Giá trị còn lại					
01/7/2021	63.075.632.296	156.778.121.788	519.416.790	60.188.336	220.433.359.210
31/12/2021	61.372.308.896	151.008.480.767	458.357.394	52.238.336	212.891.385.393
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:					
01/7/2021	14.114.047.778	59.641.683.495	1.324.047.700	348.400.215	75.428.179.188
31/12/2021	14.114.047.778	59.641.683.495	1.324.047.700	455.500.215	75.535.279.188
Giá trị còn lại của tài sản cố định đảm bảo thế chấp khoản vay (xem Thuyết minh số V.15):					
01/7/2021	63.075.632.296	156.778.121.788	-	-	219.853.754.084
31/12/2021	61.372.308.896	151.008.480.767	-	-	212.380.789.663

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
01/7/2021	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
31/12/2021	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/7/2021	-	635.080.000	51.218.184	686.298.184
Tăng trong kỳ	-	-	3.592.860	3.592.860
Khấu hao trong kỳ	-	-	3.592.860	3.592.860
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
31/12/2021	-	635.080.000	54.811.044	689.891.044
Giá trị còn lại				
01/7/2021	1.180.000.000	-	92.496.102	1.272.496.102
31/12/2021	1.180.000.000	-	88.903.242	1.268.903.242

Nguyên giá của phần mềm máy tính đã đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 635.080.000 VND (tại ngày 01 tháng 7 năm 2021: 635.080.000 VND).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/7/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La (*)	-	-	9.900.000.000	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & PTNN Tiên Nông	1.251.000.000	1.251.000.000	3.963.985.000	3.963.985.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Sông Gianh tại Bắc Ninh	4.199.080.000	4.199.080.000	1.445.000.000	1.445.000.000
Nhà cung cấp khác	11.077.801.314	11.077.801.314	3.594.686.547	3.594.686.547
Cộng	16.527.881.314	16.527.881.314	18.903.671.547	18.903.671.547
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan (*)	-	-	9.900.000.000	9.900.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/7/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2021
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	5.716.214.976	905.820.768	691.265.579	5.930.770.165
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.780.936.103	947.201.557	1.284.587.576	1.443.550.084
Thuế thu nhập cá nhân	49.333.138	57.037.473	-	106.370.611
Thuế tài nguyên	2.449.774	5.159.491	2.449.773	5.159.492
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	85.487.698	85.487.698	-	170.975.396
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
Cộng	7.634.421.689	2.003.706.987	1.981.302.928	7.656.825.748

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng :
 - + Không chịu thuế : Phân bón
 - + Thuế suất 5% : Đường và các sản phẩm từ mía
 - + Thuế suất 10% : Hoạt động khác

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/7/2021
Chi phí lãi vay	1.414.729.708	4.445.611.970
Chi phí lãi trả chậm	-	213.760.335
Chi phí phải trả khác	68.007.225	145.407.975
Cộng	1.482.736.933	4.804.780.280

14. Phải trả ngắn hạn khác

KPCĐ	8.315.746	156.448.288
BHXH, BHYT, BHTN	-	245.961.609
Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La (*)	313.273.972	176.572.602
Công Ty TNHH MTV Công Nghiệp Tấn Đạt	172.539.000	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	274.091.196	-
Phải trả khác	161.400.000	21.800.000
Cộng	929.619.914	600.782.499
Phải trả khác là bên liên quan (*)	313.273.972	176.572.602

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ tài chính**

	01/7/2021		Trong kỳ		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	182.090.766.624	182.090.766.624	29.982.716.796	(41.879.347.682)	170.194.135.738	170.194.135.738
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Kon Tum (i)	176.090.766.624	176.090.766.624	24.982.716.796	(40.879.347.682)	160.194.135.738	160.194.135.738
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Kon Tum (ii)	6.000.000.000	6.000.000.000	5.000.000.000	(1.000.000.000)	10.000.000.000	10.000.000.000
b) Vay dài hạn	57.828.000.000	57.828.000.000	-	(5.000.000.000)	52.828.000.000	52.828.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Kon Tum (ii)	57.828.000.000	57.828.000.000	-	(5.000.000.000)	52.828.000.000	52.828.000.000
Cộng	239.918.766.624	239.918.766.624	29.982.716.796	(46.879.347.682)	223.022.135.738	223.022.135.738

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum với các hợp đồng cụ thể như sau:

- Các khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/666424/HĐTD ngày 25 tháng 01 năm 2021 với hạn mức vay là 180 tỷ VND. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC của Công ty. Lãi vay áp dụng trong kỳ 7,5%/năm (kỳ trước: 8%/năm).
- Khoản vay dài theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/666424/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng. Mục đích vay là để thực hiện dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy đường từ 1800 TMN lên 2500 TMN. Số tiền tối đa là 93.828.000.000 VND nhưng không được vượt quá 54,6% tổng mức đầu tư thực tế của dự án, thời hạn vay từ ngày 17 tháng 8 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2027. Lãi suất vay trong kỳ là 10,5%/năm (kỳ trước: 11%/năm).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2021	01/7/2021
Trong vòng 1 năm	10.000.000.000	6.000.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	42.000.000.000	43.000.000.000
Sau 5 năm	10.828.000.000	14.828.000.000
	62.828.000.000	63.828.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.000.000.000	6.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	52.828.000.000	57.828.000.000

Công ty sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (xem Thuyết minh số V.9).

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm/kỳ	Kết chuyển Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu sang Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Số cuối năm/ kỳ
Năm trước					
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	189.946.031	198.213.056	(376.800.000)	-	11.359.087
Quỹ thưởng ban điều hành công ty	296.392.686	-	-	-	296.392.686
Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	426.022.432	-	(1.525.620.158)	1.099.597.726	-
Cộng	912.361.149	198.213.056	(1.902.420.158)	1.099.597.726	307.751.773
Kỳ này					
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.359.087	500.000.000	(141.100.000)	-	370.259.087
Quỹ thưởng ban điều hành công ty	296.392.686	-	-	-	296.392.686
Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	-	-	(397.461.950)	397.461.950	-
Cộng	307.751.773	500.000.000	(538.561.950)	397.461.950	666.651.773

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước như sau:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước						
01/7/2020	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	81.663.014.601	158.783.403.294
Lợi nhuận trong năm từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2021	-	-	-	-	5.671.643.333	5.671.643.333
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.000.000.000	(5.198.213.056)	(198.213.056)
Kết chuyển Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sang Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	-	-	-	(1.099.597.726)	-	(1.099.597.726)
30/6/2021	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	9.036.762.274	82.136.444.878	163.157.235.845
Kỳ này						
01/7/2021	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	9.036.762.274	82.136.444.878	163.157.235.845
Lợi nhuận trong kỳ 6 tháng từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/12/2021	-	-	-	-	816.823.154	816.823.154
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Kết chuyển Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sang Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	-	-	-	(397.461.950)	-	(397.461.950)
31/12/2021	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	8.639.300.324	82.453.268.032	163.076.597.049

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/7/2021</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.070.000</i>	<i>5.070.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.070.000	5.070.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.070.000</i>	<i>5.070.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/7/2021</u>
Nợ khó đòi đã xử lý của nông dân trồng mía (các hộ trồng mía đặc biệt khó khăn, không có khả năng trả nợ)	VND	12.459.952.254	12.459.952.254

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021</u>	<u>Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020</u>
Doanh thu bán đường thành phẩm	12.000.000.000	50.654.485.843
Doanh thu bán phân bón	2.342.024.154	2.920.277.311
Doanh thu khác	6.063.671.498	4.624.822.165
Cộng	<u>20.405.695.652</u>	<u>58.199.585.319</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	8.768.000.000	41.745.432.899
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	-	20.857.142.858
Công ty Cổ phần Mía Đường Tuy Hòa	-	34.363.636.364
Cộng	<u>8.768.000.000</u>	<u>96.966.212.121</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021</u>	<u>Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020</u>
Giá vốn bán đường	10.308.676.922	43.885.443.546
Giá vốn bán phân bón	2.194.601.263	2.827.819.675
Giá vốn khác	5.181.664.688	3.420.920.552
Cộng	<u>17.684.942.873</u>	<u>50.134.183.773</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	4.300.070	1.666.882
Lãi dự thu đầu tư vùng nguyên liệu	912.935.284	128.890.774
Lãi chậm trả	4.564.446.146	3.925.105.660
Cộng	<u>5.481.681.500</u>	<u>4.055.663.316</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	4.299.022.280	7.824.150.990
Chi phí lãi chậm trả	136.701.370	29.323.733
Cộng	<u>4.435.723.650</u>	<u>7.853.474.723</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí vật liệu, nhiên liệu, bao bì	6.437.092	10.020.350
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.321.092	52.321.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.800.188	100.853.519
Các khoản khác	29.200.551	34.810.551
Cộng	<u>211.758.923</u>	<u>198.005.512</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	527.960.596	386.210.840
Chi phí vật liệu quản lý	113.569	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.726.645	40.087.102
Chi phí khấu hao TSCĐ	233.677.932	235.462.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.090.230	8.921.280
Chi phí bằng tiền khác	460.878.665	473.792.857
Cộng	<u>1.293.447.637</u>	<u>1.144.475.011</u>

7. Lợi nhuận khác

Thu tiền thuê đất	-	90.909.091
Thu nhập khác	34.749.610	-
Thu nhập khác	<u>34.749.610</u>	<u>90.909.091</u>
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	242.000.000	258.000.000
Tiền phạt chậm nộp, truy thu thuế	225.267	179.170.750
Chi phí khác	290.003.701	360.883.216
Chi phí khác	<u>532.228.968</u>	<u>798.053.966</u>
Lỗ thuần từ hoạt động khác	<u>(497.479.358)</u>	<u>(707.144.875)</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.764.024.711	2.217.964.741
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	532.228.968	2.811.939.981
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	532.228.968	2.811.939.981
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.296.253.679	5.029.904.722
Trong đó:		
Hoạt động sản xuất đường (miễn thuế)	(2.439.754.106)	1.081.081.163
Hoạt động khác	4.736.007.785	3.948.823.559
Thuế suất áp dụng cho hoạt động khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành dự kiến phải nộp	947.201.557	789.764.712
Trừ: Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020	-	(236.929.414)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	947.201.557	552.835.298

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

- Đối với thu nhập từ chế biến nông sản (thu nhập từ hoạt động sản xuất đường): Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định đối với thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Đối với thu nhập từ hoạt động khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	816.823.154	1.665.129.443
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(81.682.315)	(166.512.944)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	735.140.839	1.498.616.499
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.070.000	5.070.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	145	296

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	735.140.839	1.498.616.499
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	735.140.839	1.498.616.499
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.070.000	5.070.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	145	296

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	21.479.942.156	20.519.555.256
Chi phí nhân viên	2.222.607.110	3.299.547.528
Chi phí khấu hao	8.579.439.171	8.618.289.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.708.981	513.604.860
Chi phí bằng tiền khác	660.787.072	547.143.135
Cộng	33.111.484.490	33.498.140.091

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020
Chi phí lãi vay phải trả	1.414.729.708	1.211.824.986

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ	4.445.611.970	-
--	---------------	---

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt

Công ty Cổ phần Mía Đường Tuy Hòa

Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La

Ông Nguyễn Hữu Quảng

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Bà Tạ Ngọc Hương vợ ông Trần Ngọc Hiếu (thành viên HĐQT Công ty) là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt

Ông Đặng Việt Anh Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa

Ông Đặng Việt Anh Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

Phó Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021</u>	<u>Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020</u>
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán hàng	8.768.000.000	41.745.432.899
Cung cấp dịch vụ	22.225.000	-
Mua hàng	-	39.260.000
Lãi chậm thanh toán	86.948.816	12.657.304
	<u>86.948.816</u>	<u>12.657.304</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt		
Bán hàng	-	20.857.142.858
Lãi chậm thanh toán	996.883.563	540.405.482
	<u>996.883.563</u>	<u>540.405.482</u>
Công ty Cổ phần Mía Đường Tuy Hòa		
Bán hàng	-	34.363.636.364
Lãi chậm thanh toán	68.520.547	2.492.651.096
	<u>68.520.547</u>	<u>2.492.651.096</u>
Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La		
Bán hàng	-	-
Mua hàng	4.857.142.857	9.428.571.429
Lãi mua hàng trả chậm	136.701.370	176.572.602
	<u>4.993.844.227</u>	<u>9.605.144.031</u>
Ông Nguyễn Hữu Quảng		
Tạm ứng	101.279.558	356.733.000
	<u>101.279.558</u>	<u>356.733.000</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/12/2021	01/7/2021
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Phải thu khách hàng	7.125.000	6.695.475.000
Trả trước cho người bán	6.660.682.390	14.660.682.390
Phải thu ngắn hạn khác	3.806.846	29.113.124
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt		
Phải thu khách hàng	25.620.000.000	34.225.000.000
Phải thu khác	816.828.768	173.019.178
Công ty Cổ phần Mía Đường Tuy Hòa		
Phải thu khách hàng	1.520.000.000	1.520.000.000
Trả trước người bán	-	-
Phải thu khác	175.113.700	225.041.095
Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La		
Phải trả khác	313.273.972	176.572.602
Ông Nguyễn Hữu Quảng		
Tạm ứng	121.452.119	577.629.424

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/7/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/7/2020 đến 31/12/2020
Hội đồng quản trị			
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch	90.000.000	90.000.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên	32.000.000	48.000.000
Ông Lê Minh Thông	Thành viên	-	-
Ban kiểm soát			
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	24.000.000	80.102.880
Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên	-	24.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	180.000.000	242.372.000
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	70.358.862	73.732.466
Ông Thái Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	34.813.636	-
Ông Lê Đức Duy	Phó Tổng Giám đốc	-	6.878.798
Cộng		527.172.498	661.086.144

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là sản xuất, kinh doanh sản phẩm đường và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không được yêu cầu.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Tổng Giám đốc

MAI THỊ TUYẾT NHUNG
Kế toán trưởng

TRẦN VĂN DANH
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ